TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24 tháng 11 năm 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Yến - Ông Phạm Ngọc Nguyên

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Tạ Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22, 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 557/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số H khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Minh Thị Tuyết H, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Số H khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Minh Thị Tuyết H tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L vào ngày 19/01/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng về kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, khi xảy ra bất hòa vợ chồng không cùng trao đổi để có sự thông cảm, chia sẻ cùng nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên ông V yêu cầu ly hôn bà H.

Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) con chung tên Nguyễn Thị Chúc Q, sinh năm 2001; Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 18/9/2007; Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 28/6/2012 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 11/5/2017.

Ông V hiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thùy D và Nguyễn Ngọc Tuyết N. Bà H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thiên K. Ông V yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng T và Tuyết N. Ông đồng ý để bà H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng Thiên K. Ông bà không phải cấp dưỡng cho nhau nuôi con. Con chung Chúc Q đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Minh Thị Tuyết H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông V về quan hệ hôn nhân, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn như ông V trình bày thì bà không đồng ý, trong gia đình bà vẫn có trách nhiệm với chồng con, đôi khi trong giao tiếp, ứng xử có sự hiểu nhầm giữa vợ chồng, từ đó ông V trách cứ không thông cảm cho bà, cuộc sống hôn nhân trở nên ngột ngạt nên ông bà sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Thời gian ly thân bà tìm mọi cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Do tình cảm dành cho ông V vẫn còn và không muốn các con sống thiếu tình cảm cha mẹ nên bà yêu cầu ông V t cơ hội vợ chồng đoàn tụ, bà hứa thay đổi để vợ chồng sống hạnh phúc và cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) con chung tên Nguyễn Thị Chúc Q, sinh năm 2001; Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 18/9/2007; Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 28/6/2012 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 11/5/2017 đúng như ông V trình bày. Bà thống nhất ý kiến của ông V về việc ông V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung Thùy D và Tuyết N. Bà tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Thiên K. Ông bà không phải cấp dưỡng cho nhau nuôi con. Con chung Chúc Q đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt trực tiếp cho đương sự đúng quy định tại Điều 171, 173, 175, 177 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông V được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thùy D và cháu Nguyễn Ngọc Tuyết N. Bà H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thiên K.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà H, bà H cư ngụ tại phường B, thành phố L nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông V và bà H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B vào năm 2001 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân ly hôn theo ông V trình bày do bất đồng về kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, khó trao đổi để thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ cùng nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên ông V yêu cầu ly hôn.

Bà H thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, có thời gian sống ly thân, tuy nhiên mâu thuẫn đó không lớn chủ yếu vợ chồng không hiểu, thông cảm cho nhau trong khi bà vẫn tròn trách nhiệm làm vợ, làm mẹ. Thời gian sống ly thân ông V không tạo cơ hội cho bà để vợ chồng hàn gắn. Do tình cảm dành cho ông V vẫn còn, mâu thuẫn chưa trầm trọng nên bà yêu cầu được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, bà sẽ thay đổi để vợ chồng hạnh phúc hơn.

Qua trình bày của đương sự, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, mặc dù bà H có nguyện vọng đoàn tụ nhưng ông V vẫn kiên quyết ly hôn vì cho rằng không còn tình cảm gì với bà H, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018, 2019 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn.

Xét thấy, trong gia đình vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, tôn trọng và cùng nhau chia sẻ vui buồn trong cuộc sống, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp, duy trì tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, thực tế cả ông V và bà H đều không quan tâm nhau, thời gian sống ly thân cả hai không có biện pháp hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V được ly hôn bà H như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[2.2]. Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) con chung tên Nguyễn Thị Chúc Q, sinh năm 2001; Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 18/9/2007; Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 28/6/2012 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 11/5/2017. Ông bà thống nhất:
Con chung Nguyễn Thị Chúc Q đã thành niên và có khả năng lao động.
Ông V được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thùy D và Nguyễn Ngọc Tuyết N.

Bà H được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thiên K.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, ông V và bà H không yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông V và bà H phải tạo điều kiện cho nhau thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông V và bà H nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.
Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông V, bà H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Nếu có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Ông V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức V được ly hôn bà Nguyễn Minh Thị Tuyết H.

2. Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) con chung tên Nguyễn Thị Chúc Q, sinh năm 2001; Nguyễn Ngọc Thùy D, sinh ngày 18/9/2007; Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh ngày 28/6/2012 và Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 11/5/2017. Ông bà thống nhất:

Con chung Nguyễn Thị Chúc Q đã thành niên và có khả năng lao động.

Ông V được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thùy D và Nguyễn Ngọc Tuyết N.

Bà H được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Thiên K.

Ông V và bà H không phải cấp dưỡng cho nhau nuôi con, do ông bà không yêu cầu.

Ông V và bà H phải tạo điều kiện cho nhau thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông V và bà H nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, vì lợi ích của con ông V, bà H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đức V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002365, ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Ông V đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.